TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2019/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 10 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1983;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn P, thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Lừu Văn T1, sinh năm 1978;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn P, thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nông Thị T và anh Lừu Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nông Thị Tvà bị đơn anh Lừu Văn T1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Lừu Văn T1 có một con chung tên là Lừu Chí K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2013. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận thống nhất:

- Giao cháu Lừu Chí K cho anh Lừu Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lừu Văn T1 không yêu cầu chị Nông Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung: Hai đương sự thỏa thuận thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Hai đương sự thỏa thuận thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Hai đương sự mỗi người phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn. Ghi nhận Nguyên đơn tự nguyện nộp cả án phí cho bị đơn. Tổng số tiền nguyên đơn chị Nông Thị Tâm phải nộp là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).Vậy khấu trừ với số tiền chị Tâm đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0002155 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị Nông Thị T được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THA dân huyện Phong Thổ;
- UBND thị trấn Phong Thổ- Phong Thổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà